

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày: 04-5-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tài**.

2. Bà **Bùi Thị Hoa Mai**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

- D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thùy T**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 25 ấp Long D, xã Long Thành B, huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông **Lê Thành D**, sinh năm 1955 (có mặt).

Anh **Lê Thành V**, sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 01 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

Cùng tạm trú: 49/8 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Mai Thị Kim H**, sinh năm 1996 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: 49/8 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thùy T trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ngày 15/7/2017, chị T có cho ông D và anh V vay số tiền 230.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có làm giấy nhận nợ do ông D và anh V cùng ký tên, mục đích ông D và anh V vay tiền để đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận 01 tháng sau sẽ hoàn trả nợ. Từ ngày vay số tiền 230.000.000 đồng đến nay, ông D và anh V có trả được tiền lãi 30.000.000 đồng vào ngày 22/7/2017.

Đến ngày 28/8/2017, ông D và anh V vay tiếp của chị T số tiền 50.000.000 đồng và hai bên có làm giấy nhận nợ do ông D và anh V cùng ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận ngày 03/9/2017 sẽ hoàn trả nợ. Ngày 20/10/2017, ông D và anh V vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng và hai bên cũng làm giấy nhận nợ do ông D ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận ngày 25/10/2017 sẽ hoàn trả nợ. Đến ngày 28/11/2017, do ông D và anh V không có khả năng trả nợ nên chị T có yêu cầu ông D viết lại giấy nhận nợ mới của hai khoản nợ 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng thành 100.000.000 đồng (trong đó có ghi nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng), khi viết lại giấy nợ mới thì hai bên cũng thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận 01 tháng sau sẽ hoàn trả nợ nhưng từ ngày viết lại giấy nợ mới, ông D và anh V vẫn chưa trả cho chị T số tiền nào. Tổng cộng, chị T đã nhận tiền lãi của ông D và anh V là 30.000.000 đồng.

Nay ra Tòa, chị T yêu cầu ông D và anh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị T số tiền vay vốn gốc còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lê Thành D trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ông có vay của chị T nhiều lần nhưng ông không nhớ chính xác thời gian vay tiền. Lần đầu ông vay của chị T 100.000.000 đồng, lần hai vay 50.000.000 đồng và lần ba vay 50.000.000 đồng, tổng cộng ông vay của chị T 03 lần số tiền vốn gốc 200.000.000 đồng. Việc vay số tiền 200.000.000 đồng này chị T chỉ ghi sổ chứ hai bên không có làm biên nhận nợ. Đến ngày 15/7/2017, ông và anh V có ký giấy nhận nợ vay của chị T tiếp số tiền 230.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, chị T có yêu cầu ông và anh V ký tên vào giấy nhận nợ. Đối với khoản vay 230.000.000 đồng ngày 15/7/2017 để đáo hạn ngân hàng, sau khi đáo hạn ngân hàng xong thì ông và anh V đã trả cho chị T số tiền 230.000.000 đồng nhưng do tin tưởng nhau nên sau khi ông và V trả nợ

cho chị T số tiền này thì hai bên không có làm biên nhận trả nợ nên giấy nhận nợ 230.000.000 đồng này chị T vẫn còn đang giữ, riêng số tiền 200.000.000 đồng vay trước đó ông vay mượn riêng của chị T thì ông chưa trả. Đến ngày 28/11/2017, ông có vay tiếp của chị T số tiền 70.000.000 đồng nhưng viết giấy nhận nợ 100.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng). Tổng cộng, ông còn nợ chị T số tiền 300.000.000 đồng.

Nay chị T yêu cầu ông và anh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền vay vốn gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ông đồng ý một mình đứng ra trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu anh V cùng trả nợ cho chị T vì đây là số tiền nợ riêng của ông đối với chị T.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Lê Thành V trình bày:

Ngày 15/7/2017, anh V và ông D có vay của chị T số tiền 230.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên có làm giấy nhận nợ do anh và ông D cùng ký tên, sau khi nhận của chị T số tiền này thì ông D sử dụng chứ anh không sử dụng số tiền này. Chính vì vậy, việc thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ anh hoàn toàn không biết, anh chỉ biết từ ngày vay số tiền 230.000.000 đồng thì anh và ông D có trả cho chị T được 30.000.000 đồng. Ngoài số tiền vay 230.000.000 đồng này thì ngày 28/8/2017, anh và ông D còn vay tiếp của chị T số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 20/10/2017, ông D là cha của anh có vay của chị T thêm số tiền 20.000.000 đồng nên ông D có viết lại giấy nợ của hai khoản vay 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng thành giấy nợ 100.000.000 đồng (trong đó có ghi vốn gốc 70.000.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng).

Nay ra tòa, chị T yêu cầu anh và ông D cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị T số tiền vay còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thì anh không đồng ý vì đây là số tiền nợ riêng của ông D đối với chị T thì để một mình ông D trả, nếu ông D không có khả năng trả nợ thì anh đồng ý đứng ra trả số tiền nợ này cho chị T.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Mai Thị Kim H trình bày:

Việc anh V và ông D vay tiền của chị T như thế nào chị hoàn toàn không biết. Nay chị T yêu cầu ông D và anh V cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền vay còn nợ là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) chị không có ý kiến gì vì đây là nợ riêng của ông D thì để một mình ông D trả nợ.

D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các

đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Mai Thị Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 15/7/2017, ông D và anh V có vay của chị T số tiền 230.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nhận nợ do ông D và anh V cùng ký tên, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận 01 tháng sau sẽ hoàn trả nợ nhưng ông D và anh V chỉ trả được số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 22/7/2017. Đến ngày 28/8/2017, ông D và anh V vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nhận nợ do ông D và anh V cùng ký tên, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận ngày 03/9/2017 sẽ hoàn trả nợ. Ngày 20/10/2017, ông D vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, hai bên cũng làm giấy nhận nợ do ông D ký tên, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận ngày 25/10/2017 sẽ hoàn trả nợ. Đến ngày 28/11/2017, ông D có viết lại giấy nhận nợ của hai khoản nợ 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng thành 100.000.000 đồng (trong đó có ghi nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận 01 tháng sau sẽ hoàn trả nhưng đến nay ông D và anh V chỉ trả được số tiền lãi 30.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu ông D và anh V cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền vay vốn gốc còn nợ là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét nghĩa vụ liên đới thấy rằng: Hai bên đương sự thống nhất số tiền ông D và anh V nợ chị T là 300.000.000 đồng nhưng ông D cho rằng đây là nợ riêng của ông để ông đứng ra trả cho chị T, anh V không đồng ý cùng ông D trả nợ vì anh cho rằng đây là nợ riêng của ông D, nếu cha của anh không có khả năng trả chị T thì anh đồng ý đứng ra trả nợ này cho chị T. Nhận thấy, các lần vay tiền đều có lập thành văn bản do ông D và anh V trực tiếp ký nhận, giấy nợ thể hiện thời hạn trả và lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Từ ngày vay, bị đơn chưa trả được số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét nghĩa vụ liên đới thấy rằng, anh V là con ruột của ông D và anh có ký vào giấy mượn tiền ngày 15/7/2017 với số tiền 230.000.000 đồng cho nên buộc anh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ trên là phù hợp. Do đó, nguyên đơn là chị T yêu cầu ông D và anh V trả số tiền 300.000.000 đồng và cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là các giấy vay tiền ngày 28/11/2017 và ngày 15/7/2017 do ông D và anh V có ký tên.

Do đó, căn cứ theo các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông D và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Ông Lê Thành D và anh Lê Thành V là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số 49/8 ấp Trường T, xã Trường H, huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Mai Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị H là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Từ ngày 15/7/2017 đến ngày 20/10/2017, chị T có cho ông D và anh V vay tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy nhận nợ do ông D và anh V cùng ký tên, mục đích ông D và anh V vay tiền để đáo hạn ngân hàng và mua gang về sản xuất kinh doanh, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và thỏa thuận 01 tháng sau sẽ hoàn trả nợ kể từ ngày viết giấy nợ sau cùng là ngày 28/11/2017 nhưng đến nay ông D và anh V vẫn chưa trả được vốn gốc cho chị T mà chỉ trả được tiền lãi 30.000.000 đồng nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Việc vay tiền giữa chị T với ông D và anh V là có thật vì hai bên đều thừa nhận và có biên nhận nợ do ông D và anh V cùng ký tên. Ngày 28/11/2017, chị T và ông D viết giấy nhận nợ cuối cùng, thỏa thuận một tháng sau sẽ trả nợ nhưng đến hạn ông D và anh V vẫn chưa thanh toán cho chị T số tiền 300.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị T trình bày mục đích chị cho ông D, anh V vay tiền là để đáo hạn ngân hàng và ông D, anh V có ký tên vào giấy nợ nên chị T yêu cầu ông D và anh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay này. Ông D thừa nhận ông có vay của chị T nhiều lần số tiền 300.000.000 đồng nhưng theo ông D thì đây là số tiền nợ riêng của ông nên để một mình ông đứng ra trả nợ cho chị T, số nợ này không liên quan gì đến con của ông là anh V. Riêng anh V cho rằng anh chỉ ký tên vào giấy nhận nợ chứ thực tế anh không có sử dụng số tiền này, anh thừa nhận là ông D có điện thoại cho chị T và kêu anh đến nhà chị T lấy tiền dùm cho ông D, có khi nhận 10.000.000 đồng, có khi nhận 20.000.000 đồng, nếu ông D không có khả năng trả số tiền nợ này thì anh V đồng ý đứng ra trả số tiền nợ này thay ông D nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu ông D và anh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 300.000.000

đồng. Chị T đã nhận của ông D và anh V tiền lãi 30.000.000 đồng, số tiền lãi mà chị T đã nhận không vượt quá lãi suất quy định của pháp luật, chị T và ông D không yêu cầu tính lại tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBD ngày 01/3/2018 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[6] Ông D và anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy T đối với ông Lê Thành D và anh Lê Thành V yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc ông Lê Thành D và anh Lê Thành V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Thùy T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D và anh V không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông D và anh V còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBD ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật. Khi Bản án có hiệu lực thi hành, chị Phạm Thị Thùy T được nhận lại số tiền đã nộp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà chị T đã nộp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 01/3/2018.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D và anh V phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho chị T 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019413 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Mai Thị

Kim H được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- VPĐKĐĐ tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh huyện Hòa Thành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.